

Bản án số: 55/2025/KDTM-ST  
Ngày 19/6/2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Mai**

Bà **Nguyễn Thị Cờ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Xuân Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận **Đông Đa**, Thành phố **Hà Nội**.

Viện kiểm sát nhân dân quận **Đông Đa** tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hà Thanh** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận **Đông Đa** xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLST - KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST - KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST - KDTM ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2025/QĐST - KDTM ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B1)**

Địa chỉ trụ sở: Tháp B1, Số A T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc L** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Hải B** – chuyên viên Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1; Địa chỉ: Số G N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. (Có mặt ông B).

**- Bị đơn: Công ty Cổ phần B2**

Địa chỉ trụ sở: Số I P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông **Đoàn Công N** – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Nơi cư trú: Thôn B, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Đoàn Công N**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn B, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

**2. Bà Trần Huyền T**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: P C6 K, Tổ A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

Tạm trú tại: 5 L, Khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B1) trình bày:

Công ty Cổ phần B2 và Ngân hàng B1 đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 17/11/2016, Công ty Cổ phần B2 và Ngân hàng B1 - Chi nhánh Đ1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD, số tiền vay theo Hợp đồng: 4.200.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 2709.TQN/HĐKT/2016/MB-BEEPRO ký ngày 27/09/2016 giữa Công ty B2 và Công ty Cổ phần X. Thời hạn vay vốn: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho Công ty B2 số tiền 4,200,000,000 đồng trong thời hạn còn hiệu lực của hợp đồng. Lãi suất tại thời điểm cho vay 7,8%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B2 đã thanh toán cho ngân hàng B1 số tiền nợ gốc: 1,757,665,799 đồng, nợ lãi: 586,997,100 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 2,442,334,201 đồng.

Ngày 05/01/2017, Công ty Cổ phần B2 và Ngân hàng B1 - Chi nhánh Đ1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD, số tiền vay theo Hợp đồng: 4.200.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 1011.TQN/HĐKT/2016/MB-BEEPRO ký ngày 10/11/2016 giữa Công ty B2 và Công ty Cổ phần X. Thời hạn vay vốn: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho Công ty B2 số tiền 4,200,000,000 đồng trong thời hạn còn hiệu lực của hợp đồng. Lãi suất tại thời điểm cho vay 7,8%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B2 đã thanh toán cho ngân hàng B1 số tiền nợ gốc: 1,350,000,000 đồng, nợ lãi: 472,561,282 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 2,850,000,000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 26/10/2023, Công ty B2 còn nợ tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 tổng số tiền là: 9,568,358,944 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm năm tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc: 5,292,334,201 đồng (*Năm tỷ hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm linh một đồng*), nợ lãi và phí: 4,276,024,743 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu hai mươi tư nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng*).

Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo nhắc nợ, công văn yêu cầu Công ty B2 trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo đúng quy định nhưng Công ty B2 đều không thực hiện theo yêu cầu.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty B2 tại Ngân hàng TMCP Đ bao gồm:

1. Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/5084522/HĐBĐ ngày 17/11/2016; Biển số đăng ký: 29B-170.38 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: MG4PGH000066; Số máy: 0ME3QA00103; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

2. Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/5084522/HĐBĐ ngày 17/11/2016; Biển số đăng ký: 29B-173.74 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn đen, nhãn hiệu HAECO; Số khung: GF4TGH000008; Số máy: 0J560DG30011; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

3. Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5084522/HĐBĐ ngày 05/01/2017; Biển số đăng ký: 29B-174.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000067; Số máy: YC6MK380-30\*ME3QAG00104\*; Số loại: UNIVERSE K47S, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

4. Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5084522/HĐBĐ ngày 05/01/2017; Biển số đăng ký: 29B-174.20 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000009; Số máy: YC6J230-30\*J560DG30012\*; Số loại: UNIVERSE U39, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

5. Sổ tiết kiệm số seri AAC0155261 mệnh giá 451.500.000 do B1 - Chi nhánh Đ1 phát hành thuộc sở hữu của ông Đoàn Công N theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi 01/2017/3917128/HĐBĐ ngày 27/12/2017.

Nay Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu Công ty B2 hoàn trả cho ngân hàng B1 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 11,036,981,972 đồng (Mười một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc: 5,292,334,201 đồng (*Năm tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba mươi tư ngàn, hai trăm linh một đồng*) và Nợ lãi, phí phạt: 5,744,647,771 đồng (*Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi tư triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi một đồng*).

2. Thanh toán toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 19/6/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 cho đến ngày Công ty B2 thanh toán hết toàn bộ dư nợ tại ngân hàng B1.

3. Trường hợp Công ty B2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cụ thể như sau:

- Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-170.38 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: MG4PGH000066; Số máy: 0ME3QA00103; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-173.74 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn đen, nhãn hiệu HAECO; Số khung: GF4TGH000008; Số máy: 0J560DG30011; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000067; Số máy: YC6MK380-30\*ME3QAG00104\*; Số loại: UNIVERSE K47S, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.20 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000009; Số máy: YC6J230-30\*J560DG30012\*; Số loại: UNIVERSE U39, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

- Sổ tiết kiệm số seri AAC0155261 mệnh giá 451.500.000 do B1 - Chi nhánh Đ1 phát hành thuộc sở hữu của ông Đoàn Công N theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi 01/2017/3917128/HĐBĐ ngày 27/12/2017.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty B2 đối với Ngân hàng B1. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty B2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng B1.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

Về án phí: Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nội dung trên ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

**\* Bị đơn Công ty Cổ phần B2:** do ông Đoàn Công N là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến Tòa để giải quyết

vụ án nhưng Công ty Cổ phần B2 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Qua xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H thể hiện Công ty Cổ phần B2 tình trạng pháp lý trên hệ thống: đang hoạt động. Trụ sở chính của Công ty tại: Số I P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội. Qua xác minh tại Công an phường M thể hiện: Công ty Cổ phần B2 không còn hoạt động tại địa chỉ: Số I P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Do không thể tổng đạt được trực tiếp cho Công ty Cổ phần B2 nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập Công ty Cổ phần B2 đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

**\* Ông Đoàn Công N là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần B2 và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày đơn ngày 25/03/2025:**

1. Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD và số 01/2017/5084522/HĐTD. Ông không ký 02 hợp đồng tín dụng này, vì với tư cách cá nhân thì thời điểm đó ông chỉ là nhân viên của công ty nên ông không ký 02 hợp đồng trên. Số tiền Công ty cổ phần B2 đã được ngân hàng hề biết về những Hợp đồng tín dụng này. Ông làm cho Công ty cổ phần B2 từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2019 với chức vụ là Trưởng nhóm kinh doanh (theo hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội) đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Đối với 04 xe ô tô là tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD và số 01/2017/5084522/HĐTD. Các tài sản này thuộc về Công ty cổ phần B2 do ông Trần Vương L1 và bà Trần Huyền T quản lý, điều hành đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật

3. Đối với sổ tiết kiệm số AAC0155216 do B1 phát hành Số tiền trong sổ tiết kiệm này là của ông Trần Vương L1 nhờ ông đứng tên dùm trên sổ tiết kiệm để đảm bảo các khoản vay khác của Công ty.

4. Đối với việc các Cổ đông của Công ty tự ý lấy thông tin của ông để làm người đại diện theo pháp luật: Ông nghỉ làm tại Công ty cổ phần B2 từ tháng 10/2019. Từ tháng 11/2019 ông đã tới Tp . sinh sống và làm việc tại Công ty Cổ phần T1. Từ tháng 11/2019 đến nay ông vẫn làm việc và sinh sống ở Lâm Đồng (theo hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội). Vì vậy ông không hề biết việc mình bị Công ty cổ phần B2 dùng thông tin để ông làm người đại diện theo pháp luật. Ông kính đề nghị Q tòa xem xét toàn bộ hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B2. Chữ ký trên hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B2 không phải do ông ký, mà do người quản lý của Công ty cổ phần B2.

Ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T:**

Ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông N và bà T không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tham gia giải quyết vụ án. Qua xác minh tại Công an phường M thể hiện: ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Căn hộ 510 CT4-3, KĐT M, TDP số 4, M, N, Hà Nội. Hiện tại ông N và bà T không còn sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Ông Đoàn Công N đăng ký tạm trú tại: Thôn B, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Huyền T đăng ký tạm trú tại: P C K, Tổ A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội nhưng thực tế bà T không cư trú tại địa chỉ trên nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T. Do vậy, việc cho ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T làm bản tự khai, tiến hành lấy lời khai đối chất giữa các đương sự cũng như việc tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành được. Tòa án đã yêu cầu các đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của họ là có căn cứ và hợp pháp tuy nhiên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bị đơn Công ty Cổ phần B2 và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty B2 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc Công ty B2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 18/6/2025 là 11,036,981,972 đồng (Mười một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 5,292,334,201 đồng và Nợ lãi, phí phạt 5,744,647,771 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty B2 không thanh toán được khoản tiền nợ gốc, lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm

để thu hồi nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

1. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đoàn Công N là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần B2 và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xử vắng mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Huyền T vắng mặt lần thứ ba không có lý do. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 3 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào mục đích vay vốn của Công ty Cổ phần B2 để phục vụ cho các phương án kinh doanh. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 hai bên thỏa thuận thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân quận Đống Đa, trụ sở Chi nhánh cho vay có địa chỉ tại: số G N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Vì vậy thỏa thuận trên là phù hợp với thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp quy định tại Điều 30, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

4. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Công N đề nghị Tòa án xem xét toàn bộ hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B2 vì cho rằng chữ ký trên hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B2 không phải do ông ký, mà do người quản lý của Công ty cổ phần B2. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp giữa công ty với người quản lý công ty (theo đăng ký kinh doanh mới nhất của Công ty cổ phần B2 ông N là tổng giám đốc). Tranh chấp này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo cho ông N được biết Tòa án nhân dân quận Đống Đa không có thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu này của ông và đề nghị ông nếu vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết thì làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền.

## **[2]. Về nội dung:**

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên là Hợp đồng có giá trị pháp lý.

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 5,292,334,201 đồng (Năm tỷ hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm linh một đồng) của Ngân hàng TMCP Đ đối với Công ty Cổ phần B2. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho Công ty B2 tổng số tiền 8,400,000,000 đồng để Công ty B2 Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 2709.TQN/HĐKT/2016/MB-BEEPRO ký ngày 27/09/2016 và Hợp đồng mua bán số 1011.TQN/HĐKT/2016/MB-BEEPRO ký ngày 10/11/2016 giữa Công ty B2 và Công ty Cổ phần X qua hình thức giải ngân là chuyển khoản cho các đối tác của Công ty B2. Công ty B2 đã ký xác nhận tại bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) ngày 17/11/2016 và ngày 05/01/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B2 đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là: 3,107,665,799 đồng (Ba tỷ một trăm linh bảy triệu sáu trăm sáu lăm nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng), trong đó thanh toán nợ gốc cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 là: 1,757,665,799 đồng và thanh toán nợ gốc cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 là: 1,350,000,000 đồng. Công ty B2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 5,292,334,201 đồng (Năm tỷ hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm linh một đồng). Do vậy, việc Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty B2 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 5,292,334,201 đồng là có căn cứ chấp nhận và buộc Công ty B2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên.

[2.2]. Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi còn nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 18/6/2025 với số tiền là 5,744,647,771 đồng. Trong đó nợ lãi là: 4,123,213,057 đồng và phí chậm trả gốc: 1,621,434,714 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017, hai bên thỏa thuận lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: Áp dụng lãi suất ưu đãi 7,8%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân theo. Sau thời gian ưu đãi, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của Q I và Q III hàng năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên sau thời gian ưu đãi tính từ ngày chấm dứt ưu đãi lãi suất đến ngày làm việc đầu tiên của Quý I hoặc quý III. Lãi suất sau thời gian ưu đãi được xác định = lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau + 4%. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B2 đã thanh toán được cho ngân hàng B1 tổng số tiền nợ lãi là: 1,059,558,382 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi hai đồng). Ngân hàng B1 đã cung cấp cho Tòa án các thông báo lãi suất cũng như giải trình cách tính lãi suất, bảng tính lãi. Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng cũng như giải trình cách tính lãi suất do ngân hàng xuất trình. Hội đồng xét xử thấy: lãi suất Ngân hàng B1 áp dụng đối với các khoản vay của Công ty B2 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật*”, tại khoản 2 Điều 11, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN quy định: “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận đối với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*” và tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận và buộc Công ty Cổ phần B2 phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, phạt tạm tính đến ngày 18/6/2025 là 5,744,647,771 đồng (Năm tỷ bảy trăm bốn mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng).

Công ty Cổ phần B2 còn phải trả lãi, lãi phạt phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ thời điểm ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.3]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần B2 không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án. Các tài sản bảo đảm là:

- Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-170.38 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: MG4PGH000066; Số máy: 0ME3QA00103; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-173.74 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2016; Màu sơn đen, nhãn hiệu HAECO; Số khung: GF4TGH000008; Số máy: 0J560DG30011; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung:

RLP1KMG4PGH000067; Số máy: YC6MK380-30\*ME3QAG00104\*; Số loại: UNIVERSE K47S, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup>.

- Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.20 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016; Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000009; Số máy: YC6J230-30\*J560DG30012\*; Số loại: UNIVERSE U39, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup>.

- Sổ tiết kiệm số seri AAC0155261 mệnh giá 451.500.000 do B1 - Chi nhánh Đ1 phát hành thuộc sở hữu của ông Đoàn Công N theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi 01/2017/3917128/HĐBĐ ngày 27/12/2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/5084522/HĐBĐ ngày 17/11/2016 và Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5084522/HĐBĐ ngày 05/01/2017 được ký kết giữa bên thế chấp là: Công ty cổ phần B2 và bên nhận thế chấp là: Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1 hai bên thỏa thuận Công ty B2 dùng tài sản của Công ty là 04 xe ô tô, gồm có: Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B - 170.38 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, Xe ô tô khách 39 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-173.74 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016, Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016 và Xe ô tô khách 47 chỗ thuộc sở hữu của Công ty B2, Biển số đăng ký: 29B-174.23 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng CSGT - CA thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016. Công ty cổ phần B2 thế chấp các xe ô tô nêu trên cho Ngân hàng B1 để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng B1 phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, và/hoặc Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa ngân hàng và bên thế chấp bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Tài sản thế chấp này đã được Công ty Cổ phần B2 có đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/11/2016, ngày 05/01/2017 và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận ngày 14/11/2016 ngày 05/01/2017. Như vậy có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý.

Tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/3917128/HĐBĐ ngày 27/12/2017 bên cầm cố: Ông Đoàn Công N cùng vợ là bà Trần Huyền T, Bên nhận cầm cố: Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1, bên được bảo đảm: Công ty Cổ phần B2. Các bên thỏa thuận ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T dùng tài sản cầm cố là: Sổ tiết kiệm số seri AAC0155261 mệnh giá 451.500.000 do B1 - Chi nhánh Đ1 phát hành thuộc sở hữu của ông Đoàn Công N để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Cổ phần B2 đối với Ngân hàng B1 phát sinh từ tất cả các Hợp

đồng tín dụng, và/hoặc Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa ngân hàng và Công ty Cổ phần B2 trong khoảng thời gian kể từ ngày ký kết hợp đồng cầm cố tiền gửi này đến khi Công ty Cổ phần B2 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh tại ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Ông Đoàn Công N cho rằng số tiền trong sổ tiết kiệm này là của ông Trần Vương L1 nhờ ông đứng tên dùm trên sổ tiết kiệm để đảm bảo các khoản vay khác của Công ty. Tuy nhiên, ông N không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền của sổ tiết kiệm không phải của ông nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Hợp đồng cầm cố nêu trên đã được ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T ký xác nhận nên là hợp đồng cầm cố có giá trị pháp lý.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty Cổ phần B2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận. Tòa án đã ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 251 ngày 08/7/2024 yêu cầu Công ty cổ phần B2 đưa 04 xe ô tô nêu trên đến trụ sở Tòa án để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 31/07/2024. Tuy nhiên, tại buổi xem xét thẩm định, bị đơn là Công ty cổ phần B2 và người liên quan là ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T vắng mặt và Công ty cổ phần B2 không mang các xe ô tô nêu trên đến nên Tòa án không thể tiến hành được việc xem xét thẩm định tại chỗ và không xác định được tình trạng hiện nay của 04 xe ô tô nói trên.

[2.4]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Đ chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

[2.5]. Về án phí: Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí đối với các yêu cầu được chấp nhận. Công ty B2 phải chịu án phí đối với các yêu cầu mà bên Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận. Theo quy định tại danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn Công ty B2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với mức thu là (112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 309, 310, 314, 317, 322, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Công ty Cổ phần B2.

Xác nhận Công ty Cổ phần B2 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5084522/HĐTD ngày 17/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5084522/HĐTD ngày 05/01/2017 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2025 là: 11,036,981,972 đồng (Mười một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 5,292,334,201 đồng, Nợ lãi: 5,744,647,771 đồng.

Buộc Công ty cổ phần B2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là: 11,036,981,972 đồng (Mười một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

[2]. Kể từ ngày 19/6/2025, Công ty cổ phần B2 còn tiếp tục phải chịu lãi, lãi phạt phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ. Trường hợp Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận tăng giảm theo biên độ thì lãi suất cũng được thay đổi theo biên độ thỏa thuận tại hợp đồng.

[3]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật Công ty Cổ phần B2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP Đ là:

- Xe ô tô khách 47 chỗ, Biển số đăng ký: 29B-170.38, Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: MG4PGH000066; Số máy: 0ME3QA00103; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup> theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016 cho Công ty cổ phần B2 để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số 01/2016/5084522/HĐBĐ ngày 17/11/2016.

- Xe ô tô khách 39 chỗ, Biển số đăng ký: 29B-173.74, Màu sơn đen, nhãn hiệu HAECO; Số khung: GF4TGH000008; Số máy: 0J560DG30011; Số loại: UNIVERSE, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup> theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 10/11/2016 cho Công ty cổ phần B2 để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số 01/2016/5084522/HĐBĐ ngày 17/11/2016.

- Xe ô tô khách 47, Biển số đăng ký: 29B-174.23, Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000067; Số máy: YC6MK380-30\*ME3QAG00104\*; Số loại: UNIVERSE K47S, Dung tích: 10.338 cm<sup>3</sup> theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264506 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016 cho Công ty cổ phần B2 để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5084522/HĐBĐ ngày 05/01/2017.

- Xe ô tô khách 39 chỗ, Biển số đăng ký: 29B-174.20, Màu sơn trắng, nhãn hiệu HAECO; Số khung: RLP1KMG4PGH000009; Số máy: YC6J230-30\*J560DG30012\*; Số loại: UNIVERSE U39, Dung tích: 6.494 cm<sup>3</sup> theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 264513 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 30/12/2016 cho Công ty cổ phần B2 để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5084522/HĐBĐ ngày 05/01/2017.

- Sổ tiết kiệm số seri AAC0155261 mệnh giá 451.500.000 do B1 - Chi nhánh Đ1 phát hành thuộc sở hữu của ông Đoàn Công N để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng cầm cố tiền gửi 01/2017/3917128/HĐBĐ ngày 27/12/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần B2 đối với Ngân hàng TMCP Đ. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần B2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Đ chịu cả chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

[5]. Về án phí: Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 58,784,179 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn một trăm bảy chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019676 ngày 01/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty cổ phần B2 phải chịu 119.036.982 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn Công ty cổ phần B2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Công N và bà Trần Huyền T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- THA quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Hách**